

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/HSST
Ngày 29/9/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN- TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nga
2. Bà Lục Thị Xinh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Triệu Văn Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 36/2017/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **LA ĐÌNH S**, sinh ngày 12/3/1981 tại xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 4/12; Con ông La Đình C và bà Nông Thị S (Đã chết); Có vợ và 02 con; Tiền sự, tiền án: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2017 đến nay. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Lục Thị B, sinh năm 1966.

Trú tại: Thôn B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

- Lèng Thị M, sinh năm 1980

Trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

** Người làm chứng:* Nông Viết T, sinh năm 1967

Trú tại: Bản D 2, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

NHẬN THẤY

Bị cáo La Đình S bị Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 10 giờ 30 phút ngày 05/4/2017, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Kạn phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an huyện C đang tuần tra tại khu vực đèo Kéo Cún thuộc thôn B 2, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã phát hiện La Đình S nghi biểu hiện tàng trữ trái phép chất ma túy, tổ công tác đã yêu cầu dừng xe và tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện và tạm giữ của La Đình S:

- 03 (Ba) gói chất bột màu trắng, trong đó: 01 (Một) gói được gói bằng loại giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng; 02 (Hai) gói được gói bằng loại giấy một mặt màu bạc, một mặt màu trắng, bên ngoài mỗi gói được bọc bởi túi nilon màu trắng để trong bao thuốc lá Du lịch đỏ.

- 02 (Hai) điện thoại di động, trong đó có: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, trong điện thoại lắp hai chiếc sim (sim 1: có số thuê bao 0975702310; sim 2: có số thuê bao 01253265180). 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NoKia-1208, trong điện thoại lắp một sim có số thuê bao 0971589835.

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu NOUVO-RC, biển kiểm soát 97F8-6254.

- 01 (Một) ví da màu nâu đã qua sử dụng, bên trong có số tiền 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*).

Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa Sơn cùng toàn bộ tang vật về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C để điều tra, xác minh làm rõ.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành mở niêm phong và cân xác định trọng lượng 03 (Ba) gói chất bột màu trắng thu giữ của La Đình S có trọng lượng là 7,380 (*Bảy phẩy ba tám không gam*).

Ngày 06/4/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của La Đình S tại thôn 2, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, qua khám xét không thu giữ được gì.

Tại Bản kết luận giám định số 55/KTHS – MT ngày 30/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất bột màu trắng có trong phong bì kí hiệu A1 là tang vật thu giữ của La Đình S mà cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C gửi giám định, có trọng lượng 7,380 g (*Bảy phẩy ba tám không gam*) là chất ma túy, loại Heroine.

La Đình S khai nhận: Ngày 04/4/2017, Lục Thị B có điện thoại trao đổi với bị cáo về việc mua bán ma túy và bị cáo đồng ý mua. Đến khoảng 10 giờ ngày 05/4/2017, khi S đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Lục Thị B gọi đến hẹn gặp S ở khu vực thôn B2, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để trao đổi mua bán ma túy, sau đó S một mình điều khiển xe mô tô đến nơi hẹn để gặp B. Khi gặp nhau B đưa luôn cho S 03 (Ba) gói ma túy có giá trị là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*), nhưng vì chưa có tiền và quen biết nhau từ trước nên B đã cho S nợ tiền mua ma túy và thống nhất khi nào S bán được hết số ma túy đó thì sẽ trả tiền sau. Trao đổi mua bán ma túy với B xong S đi về nhà ở xã Đ, khi về đến

khu vực đèo K thuộc thôn B2, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì bị tổ công tác công an phát hiện bắt quả tang.

Đối với người bán ma túy cho S theo S khai là Lục Thị B, quá trình điều tra Lục Thị B khai nhận không được bán ma túy cho S, tiến hành kiểm tra chi tiết lịch sử liên lạc số điện thoại của La Đình S với số điện thoại của Lục Thị B do Viettel Bắc Kạn - Chi nhánh Tập đoàn viễn thông Quân đội cung cấp, thì không thấy có cuộc liên lạc nào giữa S và B vào thời gian trên. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không có căn cứ để xem xét xử lý hình sự đối với Lục Thị B.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu NOUVO-RC, biển kiểm soát 97F8-6254 qua xác minh xác định chủ sở hữu là bà Lèng Thị M, không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 35/KSĐT-MT ngày 28/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo La Đình S về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo Điểm h Khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 07 đến 08 năm tù. Phạt bổ sung bằng tiền: từ 5 đến 6 triệu đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án và hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc bị cáo đã thực hiện.

Về nguồn gốc của số ma túy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Do quen biết với Lục Thị B từ trước nên ngày 04/4/2017 bị cáo và Lục Thị B đã trao đổi việc mua bán ma túy qua điện thoại. Khoảng 10 giờ ngày 05/4/2017, B điện thoại hẹn S để trao đổi bán ma túy, khi gặp nhau tại nơi hẹn B đồng ý bán cho S 03 (Ba) gói ma túy, có trọng lượng 7,380g (*Bảy phẩy ba tám không gam*), trị giá 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*) và Lục Thị B đồng ý cho S nợ tiền mua ma túy khi nào S bán hết ma túy mới trả tiền cho B. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành xác minh số điện thoại và triệu tập Lục Thị B để đấu tranh làm rõ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ghi lời khai, tiến hành đối chất giữa Lục Thị B với La Đình Sơn, Lục Thị B khai nhận không được bán ma túy cho S và kiểm tra chi tiết lịch sử liên lạc số điện thoại của La Đình S với số điện thoại của Lục Thị B do Viettel

Bắc Kạn - Chi nhánh Tập đoàn viễn thông Quân đội cung cấp, thì không thấy có cuộc liên lạc nào giữa S và B. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không có căn cứ để xem xét xử lý hình sự đối với Lục Thị B.

Hội đồng xét xử nhận định: Lời khai của bị cáo khai nhận việc mua ma túy về tàng trữ nhằm mục đích để bán kiếm lời là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản xác định trọng lượng, kết quả trưng cầu giám định, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận: Ngày 05/4/2017, La Đình S đã có hành vi mua 03 (Ba) gói ma túy, loại Heroin với mục đích mang về bán lại để kiếm lời. Khi đang trên đường mang ma túy về thì bị phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Hành vi mua bán 7,380g (*Bảy phẩy ba tám không gam*) hêrôin nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

Trước khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự. Phạm tội lần này thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có người thân có công được Nhà nước tặng Huân huy chương kháng chiến hạng nhất đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện là rất nguy hiểm, đã xâm phạm tới sự độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có đủ khả năng để nhận thức về tác hại của ma túy, hiểu rõ hành vi này bị pháp luật cấm nhưng vì hám lợi vẫn cố ý thực hiện. Trong tình hình tội phạm về ma túy và hậu quả của việc dùng ma túy gây mất an ninh trật tự xã hội như hiện nay, hành vi này cần phải xử phạt nghiêm để giáo dục, răn đe chung.

Về hình phạt bổ sung (Phạt tiền): Căn cứ tài liệu xác minh của cơ quan Cảnh sát điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay thấy rằng, bị cáo sống cùng gia đình, có nghề nghiệp làm ruộng và hàng năm có thu nhập ổn định; gia đình không thuộc hộ nghèo, do đó ngoài hình phạt chính là phạt tù cần xem xét áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án:

- Đối với 02 chiếc điện thoại trong đó chiếc điện thoại NOKIA 1208 có liên quan đến vụ án tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước.

- Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) của bị cáo để thi hành án.

- Trả lại cho chị Lèng Thị M 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu NOUVO-RC, biển kiểm soát 97F8-6254.

- Tịch thu để tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng

Bị cáo phải chịu án phí vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **La Đình S**, phạm tội “Mua bán trái phết chất ma túy”.

1. Áp dụng Điều h Khoản 2, 5 Điều 194; Điểm p Khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: La Đình S 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/4/2017.

Phạt bổ sung: Phạt bị cáo 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) để sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự; Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia-1208, vỏ nhựa màu nâu, trong điện thoại lắp một sim có số thuê bao 0971589835.

- Tạm giữ để thi hành án 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, mặt sau màu hồng, mặt sau viền màu trắng, bên trong lắp hai chiếc sim, trong đó sim 1 có số thuê bao 0975702310, sim 2 có số thuê bao 01253265180.

- Tạm giữ số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2 tạm giữ được của La Đình S để thi hành án.

- Trả lại cho chị Lèng Thị M 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu NOUVO-RC, biển kiểm soát 97F8-6254, xe đã qua sử dụng.

- Tịch thu để tiêu hủy:

- + 01 (Một) phong bì niêm phong ký hiệu T55 bên trong có 7,320gam chất ma túy (Hêrôin)

- + 01 (Một) ví da màu nâu đã qua sử dụng;

- + 01 (Một) chiếc vỏ phong bì ký hiệu A1 đã được mở niêm phong;

- + 01 (Một) mảnh giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng;

- + 01 (Một) bao thuốc lá Du lịch đỏ đã qua sử dụng;

- + 02 (Hai) túi nilon màu trắng;

- + 02 (Hai) mảnh giấy một mặt màu bạc, một mặt màu trắng.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/8/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn).

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 1, 2 Điều 99 BLTTHS; Khoản 1 Điều 21, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo La Đình S phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND C;
- Công an C;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- THADS C;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hiến Công Hanh